

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án hạ tầng khu dân cư phố Phan Đình Phùng, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH ngày 29/11/2013;

Căn cứ: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ qui định về giá đất; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ qui định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 618/TTr-TNMT ngày 14/8/2019; Thông báo thẩm định 3377/TB-HĐTĐGD ngày 09/8/2019 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường GPMB dự án hạ tầng khu dân cư phố Phan Đình Phùng, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, cụ thể như sau:

1. Giá đất bồi thường, GPMB trong ranh giới dự án.

STT	Loại đất và vị trí	Giá đất cụ thể phê duyệt (đồng/m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>GIÁ ĐẤT BỒI THƯỜNG</b>	
<b>1</b>	<b>Đất ở (thị trấn Quảng Hà)</b>	
1.1	Đất bám đường từ nhà ông bà Sùng Hình đến Cầu mới	6.700.000
1.2	Từ ngã tư trường THCS thị trấn Quảng Hà đến chợ trung tâm Hải Hà 2	4.840.000



1.3	Từ giáp nhà ông Ngô Song Toàn bóm đường lâm nghiệp đến giáp Phú Hải	4.700.000
1.4	Các khu khác còn lại	3.980.000
<b>2</b>	<b>Đất nông nghiệp (thị trấn Quảng Hà)</b>	
2.1	Đất trồng cây hàng năm	46.000
2.2	Đất trồng cây lâu năm	37.000
2.3	Đất nuôi trồng thủy sản (hồ, đầm nội địa)	32.000
<b>II</b>	<b>GIÁ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ</b>	
	<b>Khu tái định cư phía Nam đường Lâm nghiệp, xã Quảng Trung</b>	
1	Các ô 1 mặt tiền: Lk1-02 đến LK1-08; LK1-10 đến LK1-17; LK1-19 đến LK1-23; LK2-02 đến LK2-05; LK2-07 đến LK2-12; LK2-15 đến LK2-20; LK3-02 đến LK3-06; LK3-08 đến LK3-11; LK3-13 đến LK3-17;	4.920.000
2	Các ô đất 01 mặt tiền 01 mặt thoáng : LK2-13; LK2-14; LK3-01; LK3-18;	5.412.000
3	Các ô đất 02 mặt tiền: Ô LK1-01; LK1-09; LK1-18; LK1-24; LK2-01; LK2-06; LK3-07; LK3-12;	5.904.000

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thành huyện Hải Hà chịu trách nhiệm toàn diện về phương án trình (Phương pháp tính giá đất, số liệu tính toán, việc khảo sát xác định giá trị đầu vào để xác định giá đất của Dự án) đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 2:** Các ông, bà: Chánh văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Hải Hà và Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 (thực hiện);
- CT, P1, P3 - UBND tỉnh (b/c);
- V0, V3, QLĐĐ1,2,3;
- Lưu: VT, QLĐĐ2;
- Đ10bản, QĐ185

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Cao Tường Huy**